TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 3 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quốc
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thảo Q – sinh năm 1996 (có mặt)
Trú tại: ấp B, xã Khánh H, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Sơn Đ – sinh năm 1993 (có mặt)
Trú tại: ấp Thị K, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-01-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lưu Thảo Q trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2014 chị Q và anh Đỗ Sơn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hải, huyện T, tỉnh tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do anh Đ nhắn tin yêu đương với người phụ nữ khác, không chung thủy. Hơn nữa vợ chồng ít gần gủi nhau, chị Q không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị Q và anh Đ có 01 người con chung tên Đỗ Nhật H, sinh ngày 04-12-2015 đang sống với anh Đ. Chị Q yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản chung: Chị Q và anh Đ có 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng, do anh Đ đang quản lý. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu anh Đ chia đôi, mỗi người 05 chỉ vàng 24K.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06-02-2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Đỗ Sơn Đ trình bày:

Về hôn nhân, thời gian và điều kiện kết hôn thống nhất theo lời trình bày của chị Q. Nguyên nhân mâu thuẫn, chị Q cho rằng anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng. Do chị Q tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không có mâu thuẫn. Hai người đã ly thân hơn 02 tháng, bị đơn vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Q.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nhật H, sinh ngày 04-12-2015, đang sống với anh Đ. Nếu Tòa xử cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị Q có 10 chỉ vàng 24k do anh Đ đang quản lý. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Đ đồng ý chia đôi và giao cho chị Q 05 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Về chia tài sản chung, nguyên đơn và bị đơn thống nhất chia đôi 10 chỉ vàng 24K, bị đơn có nghĩa vụ giao lại cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Nguyên đơn và bị đơn xác định không có.

Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lưu Thảo Q với anh Đỗ Sơn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Q trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị Q bắt gặp anh Đ nhắn tin yêu đương với người phụ nữ khác, không chung thủy. Từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và ít gần gủi nhau. Chị Q xác định không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, do chị Q tự bỏ nhà về cha mẹ ruột sống hơn 02 tháng nay. Tuy nhiên, chị Q cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn với anh Đ.

[2] Về nuôi con chung: Chị Q và anh Đ có 01 người con chung là Đỗ Nhật H – sinh ngày 04-12-2015 đang sống với anh Đ. Chị Q và anh Đ đều giành

quyền nuôi con nên không thỏa thuận được. Tại phiên tòa, chị Q xác định làm nghề thợ mai và bán quán nước tại nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã Khánh H, huyện T, tỉnh Cà Mau, thu nhập mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Đ xác định là con trai út đang sống chung với cha mẹ ruột và làm nghề nuôi tôm công nghiệp, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Xét thấy, chị Q và anh Đ xác định hiện đang sống chung với cha mẹ ruột nhưng chưa chứng minh được thu nhập của mỗi người là bao nhiêu. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Trong trường hợp này, cháu H là con chung của chị Q và anh Đ chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đỗ Nhật H cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Q xác định có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của chị Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản: Tại phiên hòa giải ngày 06-02-2018 và tại phiên tòa, chị Q và anh Đ thỏa thuận chia đôi 10 chỉ vàng 24K, mỗi người 05 chỉ vàng 24K, anh Đ đang quản lý toàn bộ số vàng này và có nghĩa vụ giao lại cho chị Q 05 chỉ vàng 24K. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật được ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Q và anh Đ, mỗi người phải chịu 450.000 đồng án phí chia tài sản chung (Ngày 05-3-2018 giá vàng 24K là 3.600.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 33, 38, 39, 40 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 143, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thảo Q và anh Đỗ Sơn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Nhật H – sinh ngày 04-12-2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Q và anh Đ về chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K. Anh Đ đang quản lý toàn bộ số vàng nên có nghĩa vụ giao cho chị Q 05 chỉ vàng 24k.

4. Về nợ chung: Chị Q và anh Đ xác định không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 450.000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 17-01-2018, chị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí 745.000 đồng theo biên lai thu số 0007734 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Q phải nộp tiếp 5.000 đồng.

Anh Đ phải chịu 450.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Khánh H, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ … phút, ngày **05** tháng **3** năm **2018.**

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Thái Hoàng Đắc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trấn Quốc**

Ông **Huỳnh Văn Năm**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thảo Q – sinh năm 1996
Trú tại: ấp B, xã Khánh H, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh **Đỗ Đăng Sơn –** sinh năm 1993
Trú tại: ấp Thị K, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 33, 38, 39, 40 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 143, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thảo Q và anh Đỗ Sơn Đ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Nhật H – sinh ngày 04-12-2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuoi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về chia tài sản: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Q và anh Đ về chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K. Số vàng này anh Đ đang quản lý nên anh Đ phải có nghĩa vụ giao cho chị Q 05 chỉ vàng 24k.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về nợ chung: Chị Q và anh Đ xác định không có nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 450.000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 17-01-2018, chị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí 745.000 đồng theo biên -lai thu số 0007734 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Q phải nộp tiếp 5.000 đồng.

Anh Đ phải chịu 450.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 05 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Trần Quốc **Huỳnh Văn Năm** **Thái Hoàng Đắc**